



KỶ KIỂM TRA NĂNG LỰC VÀO LỚP 6 TIẾNG ANH TĂNG CƯỜNG

Khoá thi ngày 29 tháng 5 năm 2025

BẢNG GHI ĐIỂM KỶ KIỂM TRA NĂNG LỰC VÀO LỚP 6 TIẾNG ANH TĂNG CƯỜNG
NĂM HỌC 2025-2026

TT	SBD	Họ và tên	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh(Tỉnh)	Năm lớp 5		Chứng chỉ tiếng Anh miễn thi	Điểm Khuyến khích	Ghi chú (Chứng chỉ Tiếng Anh gì?)	Hội đồng thi	Hội đồng	Tiếng Anh	
							học tại trường	Huyện/ Thị						Điểm	Tổng điểm
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(14)	(15)
1	620001	LÊ NGỌC THẢO	AN	Nữ	18/05/2014	Bình Dương	TH Định Phước	Bến Cát				THCS Bình Phú	620	4.50	4.50
2	620002	HÀ HÂN BẢO	AN	Nữ	15/09/2014	Đồng Nai	TH Định Phước	Bến Cát				THCS Bình Phú	620	3.40	3.40
3	620003	NGUYỄN LÊ BẢO	AN	Nữ	17/08/2014	Quảng Nam	TH Tân Định	Bến Cát				THCS Bình Phú	620	3.60	3.60
4	620004	NGUYỄN KHÁNH	AN	Nữ	12/03/2014	Bình Dương	TH Định Phước	Bến Cát				THCS Bình Phú	620	7.20	7.20
5	620005	LÊ BẠCH KHÁNH	AN	Nữ	22/12/2014	Quảng Ngãi	TH Tân Định	Bến Cát				THCS Bình Phú	620	5.00	5.00
6	620006	PHẠM THỊ TRÂM	ANH	Nữ	20/07/2014	Bình Dương	TH Định Phước	Bến Cát				THCS Bình Phú	620	2.40	2.40
7	620007	VŨ TRẦN PHƯƠNG	ANH	Nữ	22/10/2014	Bình Dương	TH Tân Định	Bến Cát				THCS Bình Phú	620	4.30	4.30
8	620008	NGUYỄN TRẦN PHƯƠNG	ANH	Nữ	31/07/2014	Tp. Hồ Chí Minh	TH Tân Định	Bến Cát				THCS Bình Phú	620	7.60	7.60
9	620009	LÊ NGỌC QUỲNH	ANH	Nữ	22/12/2014	Bình Dương	TH Định Phước	Bến Cát				THCS Bình Phú	620	5.30	5.30
10	620010	PHẠM TÂN	ANH	Nam	18/12/2014	Quảng Ngãi	TH Định Phước	Bến Cát				THCS Bình Phú	620	6.00	6.00
11	620011	LÊ ĐÌNH GIA	BẢO	Nam	20/04/2014	Thanh Hóa	TH Tân Định	Bến Cát				THCS Bình Phú	620	3.30	3.30
12	620012	NGUYỄN NGỌC BẢO	CHÂU	Nữ	03/11/2014	Bình Định	TH Tân Định	Bến Cát				THCS Bình Phú	620	2.70	2.70
13	620013	LÊ MỸ	CHI	Nữ	18/03/2014	Bình Định	TH Tân Định	Bến Cát				THCS Bình Phú	620	4.60	4.60
14	620014	TRẦN QUỲNH	CHI	Nữ	05/03/2014	Đắk Nông	TH Tân Định	Bến Cát				THCS Bình Phú	620	3.10	3.10
15	620015	VŨ NGỌC	DIỆP	Nữ	17/08/2014	Nam Định	TH Định Phước	Bến Cát				THCS Bình Phú	620	4.30	4.30
16	620016	ĐÌNH NGỌC ÁNH	DƯƠNG	Nữ	10/11/2014	Bình Dương	TH Định Phước	Bến Cát				THCS Bình Phú	620	2.20	2.20
17	620017	TRẦN LINH	ĐAN	Nữ	21/02/2014	Bình Dương	TH Tân Định	Bến Cát				THCS Bình Phú	620	3.70	3.70
18	620018	NGUYỄN MINH	ĐẠT	Nam	07/10/2014	Bình Dương	TH Định Phước	Bến Cát				THCS Bình Phú	620	4.80	4.80
19	620019	PHẠM THÀNH	ĐẠT	Nam	02/01/2014	Hà Tĩnh	TH Tân Định	Bến Cát				THCS Bình Phú	620	5.00	5.00
20	620020	VÔ NGỌC KHÁNH	ĐOAN	Nữ	26/04/2014	Bình Dương	TH Tân Định	Bến Cát				THCS Bình Phú	620	6.00	6.00
21	620021	TRƯƠNG MINH	ĐỨC	Nam	27/01/2014	Tp. Hồ Chí Minh	TH Tân Định	Bến Cát				THCS Bình Phú	620	6.50	6.50
22	620022	ĐỖ HOÀNG GIA	HÂN	Nữ	02/04/2014	Đắk Lắk	TH Tân Định	Bến Cát				THCS Bình Phú	620	5.90	5.90
23	620023	NGUYỄN DƯƠNG	HÀO	Nam	22/10/2014	Bình Dương	TH Thới Hòa	Bến Cát				THCS Bình Phú	620	2.90	2.90
24	620024	HÀ VŨ MINH	HOÀNG	Nam	30/06/2014	Bình Dương	TH Hiệp Thành	Thủ Dầu Một				THCS Bình Phú	620	5.00	5.00

KỶ KIỂM TRA NĂNG LỰC VÀO LỚP 6 TIẾNG ANH TĂNG CƯỜNG



Khoa thi ngày 29 tháng 5 năm 2025

BẢNG GHI ĐIỂM KỶ KIỂM TRA NĂNG LỰC VÀO LỚP 6 TIẾNG ANH TĂNG CƯỜNG
NĂM HỌC 2025-2026

TT	SBD	Họ và tên	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh(Tỉnh)	Năm lớp 5		Chứng chỉ tiếng Anh miễn thi	Điểm Khuyến khích	Ghi chú (Chứng chỉ Tiếng Anh gì?)	Hội đồng thi	Hội đồng	Tiếng Anh	
							học tại trường	Huyện/ Thị						Điểm	Tổng điểm
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(14)	(15)
25	620025	TRẦN THANH	HOÀNG	Nam	23/06/2014	Bình Dương	TH Tân Định	Bến Cát				THCS Bình Phú	620	6.50	6.50
26	620026	NGUYỄN THANH	HOÀNG	Nam	09/02/2014	Quảng Nam	TH Định Hòa 2	Thủ Dầu Một				THCS Bình Phú	620	3.50	3.50
27	620027	PHẠM BÁ	HOÀNG	Nam	17/10/2014	Bình Dương	TH Định Phước	Bến Cát				THCS Bình Phú	620	4.00	4.00
28	620028	LÊ HOÀNG THIÊN	HƯNG	Nam	30/10/2014	Tp. Hồ Chí Minh	TH Hòa Phú	Thủ Dầu Một				THCS Bình Phú	620	7.70	7.70
29	620029	NGUYỄN TRỌNG GIA	HƯNG	Nam	07/02/2014	Tp. Hồ Chí Minh	TH Tân Định	Bến Cát				THCS Bình Phú	620	v	v
30	620030	LÊ QUỐC	HUY	Nam	24/12/2013	Đồng Nai	TH Định Phước	Bến Cát				THCS Bình Phú	620	4.50	4.50
31	620031	THÁI HOÀNG MINH	HUY	Nam	02/06/2014	Bình Dương	TH Định Phước	Bến Cát				THCS Bình Phú	620	5.60	5.60
32	620032	NGUYỄN VÕ ĐĂNG	KHÁNH	Nam	19/03/2014	Bình Dương	TH Định Phước	Bến Cát				THCS Bình Phú	620	5.00	5.00
33	620033	NGUYỄN MINH	KHOA	Nam	21/08/2014	Tp. Hồ Chí Minh	TH Định Phước	Bến Cát				THCS Bình Phú	620	2.30	2.30
34	620034	DƯƠNG XUÂN ANH	KHOA	Nam	04/03/2014	Hà Tĩnh	TH Định Phước	Bến Cát				THCS Bình Phú	620	5.30	5.30
35	620035	NGUYỄN NGỌC ĐĂNG	KHOA	Nam	05/06/2014	Tp. Hồ Chí Minh	TH Tân Định	Bến Cát				THCS Bình Phú	620	4.90	4.90
36	620036	TRẦN HUY TUẤN	KIỆT	Nam	08/04/2014	Quảng Bình	TH Tân Định	Bến Cát				THCS Bình Phú	620	7.40	7.40
37	620037	NGUYỄN TRẦN TUẤN	KIỆT	Nam	01/11/2014	Phú Yên	TH Tân Định	Bến Cát				THCS Bình Phú	620	5.70	5.70
38	620038	NGUYỄN MINH	KIỆT	Nam	01/10/2014	Lâm Đồng	TH Định Phước	Bến Cát				THCS Bình Phú	620	4.40	4.40
39	620039	PHẠM LÊ MỸ	KIM	Nữ	28/02/2014	Bình Dương	TH Tân Định	Bến Cát				THCS Bình Phú	620	5.60	5.60
40	620040	CAO LÊ THỦY	LÂM	Nữ	13/06/2014	Đồng Nai	TH Tân Định	Bến Cát				THCS Bình Phú	620	6.30	6.30
41	620041	PHÍ PHÙNG NGỌC	LAN	Nữ	24/05/2014	Bình Dương	TH Định Phước	Bến Cát				THCS Bình Phú	620	5.80	5.80
42	620042	KIỀU PHƯƠNG	LINH	Nữ	10/06/2014	Hà Tĩnh	TH Định Phước	Bến Cát				THCS Bình Phú	620	v	v
43	620043	HOÀNG NHẬT	LINH	Nữ	14/04/2014	Thanh Hóa	TH Tân Định	Bến Cát				THCS Bình Phú	620	4.50	4.50
44	620044	NGUYỄN HÀ	LINH	Nữ	14/05/2014	Bình Dương	TH Tân Định	Bến Cát				THCS Bình Phú	620	5.20	5.20
45	620045	ĐỖ DIỆU	LINH	Nữ	28/07/2014	Bình Dương	TH Định Phước	Bến Cát				THCS Bình Phú	620	4.20	4.20
46	620046	DƯƠNG HOÀNG TRÚC	LINH	Nữ	13/03/2014	Gia Lai	TH Tân Định	Bến Cát				THCS Bình Phú	620	5.50	5.50
47	620047	TÔ NGUYỄN KHÁNH	LINH	Nữ	08/03/2014	Khánh Hòa	TH Tân Định	Bến Cát		1	Flyers 13 khiên	THCS Bình Phú	620	6.30	7.30
48	620048	HOÀNG BÌNH	MINH	Nam	10/03/2014	Bình Dương	TH Định Phước	Bến Cát				THCS Bình Phú	620	4.90	4.90



KỶ KIỂM TRA NĂNG LỰC VÀO LỚP 6 TIẾNG ANH TĂNG CƯỜNG

Khoảng thi ngày 29 tháng 5 năm 2025

BẢNG GHI ĐIỂM KỶ KIỂM TRA NĂNG LỰC VÀO LỚP 6 TIẾNG ANH TĂNG CƯỜNG
NĂM HỌC 2025-2026

TT	SBD	Họ và tên	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh(Tỉnh)	Năm lớp 5		Chứng chỉ tiếng Anh miễn thi	Điểm Khuyến khích	Ghi chú (Chứng chỉ Tiếng Anh gì?)	Hội đồng thi	Hội đồng	Tiếng Anh	
							học tại trường	Huyện/ Thị						Điểm	Tổng điểm
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(14)	(15)
49	620049	NGUYỄN QUANG	MINH	Nam	13/11/2014	Bình Dương	TH Tân Định	Bến Cát				THCS Bình Phú	620	5.30	5.30
50	620050	LÊ THỊ HÀ	MY	Nữ	13/10/2014	Thanh Hóa	TH Tân Định	Bến Cát				THCS Bình Phú	620	6.00	6.00
51	620051	NGUYỄN TRÀ	MY	Nữ	10/08/2014	Tp. Hồ Chí Minh	TH Tân Định	Bến Cát				THCS Bình Phú	620	7.20	7.20
52	620052	TRƯƠNG HÀ	MY	Nữ	05/04/2014	Tp. Hồ Chí Minh	TH Tân Định	Bến Cát				THCS Bình Phú	620	6.30	6.30
53	620053	LÊ PHƯƠNG HÀ	MY	Nữ	16/02/2014	Tp. Hồ Chí Minh	TH Tân Định	Bến Cát				THCS Bình Phú	620	5.20	5.20
54	620054	TRẦN THỊ THẢO	MY	Nữ	18/08/2014	Bình Dương	TH Tân Định	Bến Cát				THCS Bình Phú	620	6.80	6.80
55	620055	NGUYỄN TRẦN NHẬT	NAM	Nam	12/05/2014	Bình Dương	TH Hòa Lợi	Bến Cát				THCS Bình Phú	620	5.60	5.60
56	620056	NGUYỄN NGỌC BẢO	NGÂN	Nữ	22/08/2014	Bình Dương	TH Tân Định	Bến Cát				THCS Bình Phú	620	5.00	5.00
57	620057	ĐỖ PHẠM THANH	NGÂN	Nữ	23/06/2014	Bình Dương	TH Tân Định	Bến Cát				THCS Bình Phú	620	5.60	5.60
58	620058	CHU VĂN TUẤN	NGHĨA	Nam	29/04/2014	Tp. Hồ Chí Minh	TH Tân Định	Bến Cát				THCS Bình Phú	620	4.00	4.00
59	620059	TRẦN LÊ BÍCH	NGỌC	Nữ	02/11/2014	Nghệ An	TH Định Phước	Bến Cát				THCS Bình Phú	620	5.80	5.80
60	620060	MAI NHƯ	NGỌC	Nữ	21/08/2013	Sóc Trăng	TH Tân Định	Bến Cát				THCS Bình Phú	620	4.60	4.60
61	620061	NGUYỄN THỊ ÁNH	NGỌC	Nữ	12/12/2014	Bình Thuận	TH Tân Định	Bến Cát				THCS Bình Phú	620	5.00	5.00
62	620062	TRỊNH KIM	NGỌC	Nữ	19/12/2014	Bình Dương	TH Hòa Lợi	Bến Cát				THCS Bình Phú	620	4.00	4.00
63	620063	HOÀNG NGUYỄN BẢO	NHI	Nữ	25/10/2014	Tp. Hồ Chí Minh	TH Định Phước	Bến Cát				THCS Bình Phú	620	4.30	4.30
64	620064	TÓNG NGUYỄN GIA	NHI	Nữ	06/07/2014	Quảng Trị	TH Tân Định	Bến Cát				THCS Bình Phú	620	2.80	2.80
65	620065	TRẦN THỊ PHƯƠNG	NHI	Nữ	22/01/2014	Bình Dương	TH Tân Định	Bến Cát				THCS Bình Phú	620	6.00	6.00
66	620066	ĐỖ THẢO	NHIÊN	Nữ	11/08/2014	Tp. Hồ Chí Minh	TH Tân Định	Bến Cát				THCS Bình Phú	620	6.80	6.80
67	620067	NGUYỄN HÀ TÂM	NHƯ	Nữ	17/05/2014	Tp. Hồ Chí Minh	TH Định Hòa	Thủ Dầu Một				THCS Bình Phú	620	4.70	4.70
68	620068	TRẦN BẢO	NHƯ	Nữ	28/07/2014	Bình Dương	TH Tân Định	Bến Cát				THCS Bình Phú	620	3.90	3.90
69	620069	TRẦN PHẠM HÙNG	PHÁT	Nam	02/11/2014	Tp. Hồ Chí Minh	TH Tân Định	Bến Cát				THCS Bình Phú	620	3.40	3.40
70	620070	NGUYỄN TRỌNG	PHÚC	Nam	23/11/2014	Bình Dương	TH Định Phước	Bến Cát				THCS Bình Phú	620	3.40	3.40
71	620071	VÕ TRẦN THẢO	PHƯƠNG	Nữ	13/04/2014	Bình Dương	TH Định Phước	Bến Cát				THCS Bình Phú	620	7.00	7.00
72	620072	ĐÀO ĐĂNG	QUANG	Nam	13/02/2014	Nghệ An	TH Tân Định	Bến Cát				THCS Bình Phú	620	6.10	6.10



KỶ KIỂM TRA NĂNG LỰC VÀO LỚP 6 TIẾNG ANH TĂNG CƯỜNG

thực hiện ngày 29 tháng 5 năm 2025

BẢNG GHI ĐIỂM KỶ KIỂM TRA NĂNG LỰC VÀO LỚP 6 TIẾNG ANH TĂNG CƯỜNG
NĂM HỌC 2025-2026

TT	SBD	Họ và tên	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh(Tỉnh)	Năm lớp 5		Chứng chỉ tiếng Anh miễn thi	Điểm Khuyến khích	Ghi chú (Chứng chỉ Tiếng Anh gì?)	Hội đồng thi	Hội đồng	Tiếng Anh	
							học tại trường	Huyện/ Thị						Điểm	Tổng điểm
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(14)	(15)
73	620073	NGUYỄN NHÀ	QUYÊN	Nữ	21/06/2014	Cà Mau	TH Tân Định	Bến Cát				THCS Bình Phú	620	6.70	6.70
74	620074	TRẦN TRÚC	QUỲNH	Nữ	03/11/2014	Bình Dương	TH Tân Định	Bến Cát				THCS Bình Phú	620	3.40	3.40
75	620075	LÊ NHƯ	QUỲNH	Nữ	14/08/2014	Đắk Nông	TH Hòa Lợi	Bến Cát				THCS Bình Phú	620	1.40	1.40
76	620076	LÊ MINH	TÂM	Nam	01/05/2014	Bình Dương	TH Định Phước	Bến Cát				THCS Bình Phú	620	1.30	1.30
77	620077	NGUYỄN XUÂN	THÀNH	Nam	13/08/2014	Bình Dương	TH Định Phước	Bến Cát				THCS Bình Phú	620	3.10	3.10
78	620078	LƯU PHƯƠNG	THẢO	Nữ	02/04/2014	Bình Dương	TH Định Phước	Bến Cát				THCS Bình Phú	620	4.00	4.00
79	620079	HOÀNG PHƯƠNG	THẢO	Nữ	16/05/2014	Quảng Bình	TH Tân Định	Bến Cát				THCS Bình Phú	620	4.20	4.20
80	620080	TRẦN KHÁNH	THI	Nữ	06/06/2014	Bình Dương	TH Tân Định	Bến Cát				THCS Bình Phú	620	5.10	5.10
81	620081	NGUYỄN QUỐC	THIÊN	Nam	26/01/2014	Hà Nam	TH Hòa Lợi	Bến Cát				THCS Bình Phú	620	4.20	4.20
82	620082	TRẦN VĂN	THỊNH	Nam	19/07/2014	Bình Dương	TH Định Phước	Bến Cát				THCS Bình Phú	620	4.80	4.80
83	620083	PHẠM ANH	THỖ	Nữ	20/11/2014	Bình Dương	TH Định Phước	Bến Cát				THCS Bình Phú	620	2.80	2.80
84	620084	VÕ NGUYỄN MINH	THƯ	Nữ	16/05/2014	Tp. Hồ Chí Minh	TH Định Phước	Bến Cát				THCS Bình Phú	620	6.20	6.20
85	620085	TRẦN NGỌC MINH	THƯ	Nữ	28/01/2014	Tp. Hồ Chí Minh	TH Định Phước	Bến Cát				THCS Bình Phú	620	5.20	5.20
86	620086	PHAN NGỌC AN	THƯ	Nữ	24/02/2014	Bình Dương	TH Định Phước	Bến Cát				THCS Bình Phú	620	4.40	4.40
87	620087	NGUYỄN NGỌC ANH	THY	Nữ	10/12/2014	Bình Dương	TH Định Phước	Bến Cát				THCS Bình Phú	620	1.90	1.90
88	620088	ĐÀO DĨNH	TIÊN	Nam	02/05/2014	Tp. Hồ Chí Minh	TH Định Phước	Bến Cát				THCS Bình Phú	620	4.30	4.30
89	620089	VƯƠNG THỊ NGỌC	TRÂM	Nữ	20/05/2014	Bình Dương	TH Tân Định	Bến Cát				THCS Bình Phú	620	3.70	3.70
90	620090	NGUYỄN NGỌC BẢO	TRÂM	Nữ	12/04/2014	Bình Dương	TH Định Phước	Bến Cát				THCS Bình Phú	620	6.20	6.20
91	620091	LÊ ĐẶNG BẢO	TRẦN	Nữ	19/09/2014	Bình Dương	TH Tân Định	Bến Cát				THCS Bình Phú	620	6.50	6.50
92	620092	VÕ HỒ THÀNH	TRÍ	Nam	24/05/2014	Bình Dương	TH Tân Định	Bến Cát				THCS Bình Phú	620	4.20	4.20
93	620093	NGUYỄN VÕ MINH	TRIẾT	Nam	02/07/2014	Bình Dương	TH Định Phước	Bến Cát				THCS Bình Phú	620	4.00	4.00
94	620094	TRẦN QUỐC	TUẤN	Nam	08/04/2014	Nam Định	TH Tân Định	Bến Cát		1	Flyers 14 khiên	THCS Bình Phú	620	7.60	8.60
95	620095	TRẦN HOÀNG PHƯƠNG	UYÊN	Nữ	26/11/2014	Tp. Hồ Chí Minh	TH Tân Định	Bến Cát				THCS Bình Phú	620	3.10	3.10
96	620096	NGUYỄN TRƯỞNG THẢO	UYÊN	Nữ	04/12/2014	Tp. Hồ Chí Minh	TH Tân Định	Bến Cát				THCS Bình Phú	620	5.90	5.90



KỶ KIỂM TRA NĂNG LỰC VÀO LỚP 6 TIẾNG ANH TĂNG CƯỜNG

Khoa thi ngày 29 tháng 5 năm 2025

BẢNG GHI ĐIỂM KỶ KIỂM TRA NĂNG LỰC VÀO LỚP 6 TIẾNG ANH TĂNG CƯỜNG NĂM HỌC 2025-2026

TT	SBD	Họ và tên	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh(Tỉnh)	Năm lớp 5		Chứng chỉ tiếng Anh miễn thi	Điểm Khuyến khích	Ghi chú (Chứng chỉ Tiếng Anh gì?)	Hội đồng thi	Hội đồng	Tiếng Anh	
							học tại trường	Huyện/ Thị						Điểm	Tổng điểm
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(14)	(15)
97	620097	NGUYỄN QUỐC	VIỆT	Nam	22/12/2014	Phú Yên	TH Tân Định	Bến Cát				THCS Bình Phú	620	3.50	3.50
98	620098	NGUYỄN THỊ TƯỜNG	VY	Nữ	05/05/2014	Bình Dương	TH Định Phước	Bến Cát				THCS Bình Phú	620	2.70	2.70
99	620099	NGUYỄN THỊ HÀ	VY	Nữ	20/10/2014	Quảng Trị	TH Định Phước	Bến Cát				THCS Bình Phú	620	5.10	5.10
100	620100	NGUYỄN QUỲNH NHÃ	VY	Nữ	18/08/2014	Bình Dương	TH Định Phước	Bến Cát				THCS Bình Phú	620	4.70	4.70
101	620101	LÊ NHẬT	VY	Nữ	11/03/2014	Hà Nội	TH Định Phước	Bến Cát				THCS Bình Phú	620	2.40	2.40
102	620102	BÙI PHẠM HOÀNG	VY	Nữ	13/02/2014	Bình Dương	TH Tân Định	Bến Cát				THCS Bình Phú	620	3.30	3.30
103	620103	NGUYỄN THANH	XUÂN	Nữ	18/02/2014	Bình Dương	TH Tân Định	Bến Cát				THCS Bình Phú	620	3.40	3.40
104	620104	VÕ LÊ NHƯ	Ý	Nữ	11/07/2014	Bình Định	TH Tân Định	Bến Cát				THCS Bình Phú	620	2.80	2.80
105	620105	NGUYỄN MINH NHƯ	Ý	Nữ	17/05/2014	Tp. Hồ Chí Minh	TH Định Hòa	Thủ Dầu Một				THCS Bình Phú	620	4.50	4.50
106	620106	LÊ NGỌC NHƯ	Ý	Nữ	17/02/2014	Đồng Tháp	TH Định Phước	Bến Cát				THCS Bình Phú	620	2.90	2.90
107	620107	LÊ THỊ KIM	YẾN	Nữ	20/01/2014	Đồng Tháp	TH Tân Định	Bến Cát				THCS Bình Phú	620	3.40	3.40

Danh sách có 107 thí sinh./.